

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7-QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đồng Thị Bình.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Văn Vũ và bà Trần Thị Hoa Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thương – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7, tỉnh Quảng Ngãi xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 30/2025/TLST-HS ngày 05 tháng 9 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2025/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 9 năm 2025 đối với bị cáo:

Nguyễn Thế H (tên gọi khác: Không), sinh ngày 02 tháng 01 năm 1996; Nơi cư trú: Số H Ka Pơ K, phường T, thành phố K, tỉnh Kon Tum (nay 86/18 Ka Pơ K, phường K, tỉnh Quảng Ngãi); số CCCD 062096001981, cấp ngày 13/6/2022; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Công giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Trường S, đã mất và bà Nguyễn Thị H1 (bỏ đi khi còn nhỏ, không rõ địa chỉ); Bị cáo có vợ là chị Ngô Thị Thùy T, sinh năm 1996 (đã ly hôn) và 01 con, sinh năm 2017;

- Tiền án: 02 tiền án

+ Tại bản án số: 23/2021/HS-ST ngày 12/5/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum xét xử, xử phạt Nguyễn Thế H 03 năm 09 tháng tù về tội "Che giấu tội phạm". Tại bản án số: 405/2021/HS-PT ngày 30/9/2021 của Tòa án nhân dân cao cấp tại Đ giữ nguyên tội danh và mức hình phạt tù đối với Nguyễn Thế H, ngày 13/5/2022 bị cáo chấp hành xong hình phạt (Chưa xóa án tích).

- Tại bản án số: 127/2024/HS-ST ngày 20/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum (Nay TAND khu vực 7-Quảng Ngãi) xử phạt Nguyễn Thế H 07 tháng tù về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự". Ngày 01/6/2025 chấp hành xong án phạt tù (chưa xóa án tích).

- Nhân thân:

+ Bản án số 91/2010/HSST ngày 31/12/2010 của TAND thành phố Kon Tum nay TAND khu vực 7 xử phạt 02 năm tù về tội “*Cố ý gây thương tích*”. Tại bản án số 13/2011/HSPT ngày 31/3/2011 của TAND tỉnh Kon Tum nay tỉnh Quảng Ngãi giữ nguyên bản án sơ thẩm .

+ Bản số: 36/2013/HS-ST ngày 10/4/2013 của Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh K (Nay TAND khu vực 7-Quảng Ngãi) xử phạt Nguyễn Thế H 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản".

+ Bản án số 64/2013/HS-ST ngày 27/6/2013 của Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum (nay TAND khu vực 7-Quảng Ngãi) xử phạt Nguyễn Thế H 09 tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích". Tổng hợp hình phạt của hai bản án: 15 tháng tù .

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 18/8/2025 đến nay. Bị cáo có mặt.

- **Bị hại:** Chị Lương Thúy V, sinh năm 2006. Địa chỉ: A L, tổ G, phường K, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1/ Anh Tạ Hồng H2, sinh năm 1989. Địa chỉ: C P, phường Đ, tỉnh Quảng Ngãi; có mặt.

2/ Chị Lê Thị Thanh P, sinh năm 1990. Địa chỉ: A T, phường Đ, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

3/ Anh Chu Văn T1, sinh năm 1991. Địa chỉ: A V, phường Đ, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- **Người làm chứng:** Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1992. Địa chỉ: 8 Đ, phường Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Thông qua mối quan hệ xã hội, Nguyễn Thế H (sinh ngày 02/01/1996, trú tại: H K, phường T, thành phố K, tỉnh Kon Tum - nay là phường K, tỉnh Quảng Ngãi) biết bà Lương Thúy V (sinh ngày 03/05/2006) kinh doanh dịch vụ cho thuê xe mô tô. Vì có nhu cầu thuê xe để sử dụng nên chiều ngày 07/10/2024, Nguyễn Thế H đã gọi điện cho bà V để đặt vấn đề cho H thuê 01 (Một) xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe SH để phục vụ mục đích đi lại. Sau khi thống nhất thỏa thuận bằng miệng với nhau, đến khoảng 16 giờ 00 phút cùng ngày, H đi đến địa chỉ: C T, phường Q, thành phố K, tỉnh Kon Tum gặp bà V và thuê của bà V một xe mô tô biển số 82AA-162.13, hiệu Honda, loại SH125I, màu trắng đen với giá thỏa thuận là 260.000 đồng

(hai trăm sáu mươi ngàn đồng)/01 ngày. H đề nghị bà V cho H thuê xe 03 (ba) ngày, H trả trước cho bà V số tiền 500.000 đồng (Năm trăm ngàn đồng) thì bà V đồng ý và giao Xe cho H. Quá trình thuê xe sau đó, H và V thỏa thuận gia hạn thời hạn thuê xe nhiều lần, hạn cuối thời hạn thuê xe là ngày 01/11/2024, V đồng ý và H trả tiền thuê xe cho V.

Trong quá trình thuê xe của V vào tối ngày 08/10/2024, vì cần tiền dùng vào việc cá nhân nên H nảy sinh ý định cầm cố xe mô tô trên của bà V để lấy tiền. H gọi điện cho Tạ Hồng H2 (sinh ngày 07/02/1989- là bạn bè của H) và nhờ H2 tìm chỗ cho cầm cố xe mượn số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng). Thông tin H đưa cho H2 là trời đã khuya, H cần vay tiền gấp vì gia đình có người nhập viện, nếu được cho cầm cố xe tạm ít ngày rồi lấy xe sau. Quá trình trao đổi, H khẳng định với H2 xe mô tô mà H nhờ H2 cầm cố là xe của H. Vì tin tưởng H, nên H2 đã gọi điện và đến nhà Lê Thị Thanh P (sinh ngày 24/02/1990) tại địa chỉ: 101 T, phường D, thành phố K (nay là phường Đ, tỉnh Quảng Ngãi) để đặt vấn đề vay tiền và cầm cố xe mô tô biển số 82AA-162.13 cho P. Vì không biết rõ nguồn gốc của xe nên P không đồng ý cầm cố. Sau đó H2 đã gọi H lên để nói chuyện trực tiếp với P. Đến khoảng 23 giờ 00 phút ngày 08/10/2024, Nguyễn Thế H đến nhà của P. Tại nhà P, H tiếp tục khẳng định xe mô tô biển số 82AA-162.13 này là của H và nhờ P cầm cố giúp vì gia đình có việc gấp, có người nhà nhập viện. Sau khi nghe H khẳng định xe mô tô trên là của H thì P đồng ý cho H cầm cố chiếc xe trên với số tiền là 13.000.000 đồng và yêu cầu Tạ Hồng H2 phải đứng ra ký giấy đảm bảo vì P không quen biết H. Sau đó, Tạ Hồng H2 đã đứng ra viết giấy vay bà P số tiền 13.000.000 đồng (mười ba triệu đồng) giúp H. Sau khi bà P chuyển cho H2 số tiền trên thì H2 đã chuyển vào tài khoản cho H số tiền 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng) và đưa thêm 1.000.000 đồng (một triệu đồng) tiền mặt. Số tiền trên đã được sử dụng mục đích tiêu xài cá nhân hết.

Quá trình thuê xe của V, H trả tiền thuê xe đầy đủ cho V từ ngày 07/10/2024 đến ngày 25/10/2024. Trong thời gian thuê xe H vẫn đi làm thêm kiếm tiền để trả tiền thuê xe cho V. Tuy nhiên, đến ngày trả xe H không có tiền chuộc lại xe, đồng thời vào ngày 01/11/2024 H phải đi chấp hành án nên H đã tìm nhiều lý do để thoái thác và trốn tránh, không trả lại xe cho bà V. Việc H cầm cố xe mô tô biển Số 82AA-162.13 cho chị P để lấy tiền tiêu xài cá nhân, bà V không biết và không đồng ý. Đến ngày 02/11/2024, vì không liên lạc được với H nên V mở định vị ra xem và phát hiện xe mô tô mà V cho H thuê đang để tại địa chỉ: A T, phường D, thành phố K (nay là phường Đ, tỉnh Quảng Ngãi). Vy đến thì gặp P và được biết xe mô tô này đã được H cầm cố cho P để vay tiền nên V làm đơn trình báo đến Cơ quan Công an để giải quyết.

Tại kết luận giám định số: 488/KL-K THS ngày 16/12/2024 của Phòng K- Công an tỉnh K (nay là Công an tỉnh Q) kết luận: Chữ viết, chữ ký đứng tên Nguyễn Thế H trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A1) với chữ viết, chữ ký của Nguyễn Thế H trên các tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M1, M2) do cùng một người viết, ký ra.

Tại kết luận giám định số: 489/KL-K THS ngày 16/12/2024 của Phòng K - Công an tỉnh K (nay là Công an tỉnh Q) kết luận: Chữ viết nội dung từ dòng 1 đến

dòng 13 (tính từ trên xuống) và chữ ký, chữ viết "Tạ Hồng H2" dưới mục "Người mượn" trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A) với chữ viết, chữ ký của Tạ Hồng H2 trên các tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M1, M2) do cùng một người viết, ký ra.

Tại kết luận định giá số: 02/KL-HĐ ngày 07/01/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự thành phố K, kết luận: Giá trị xe mô tô biển số 82AA-162.13 nhãn hiệu Honda, loại xe SH125I, màu trắng đen tại thời điểm bị chiếm đoạt là 20.099.833 đồng, làm tròn 20.099.000 đồng.

*Về vật chứng: Quá trình điều tra, cơ quan cảnh sát điều tra Công an đã tiến hành thu giữ các đồ vật, tài liệu sau:

- 01 mô tô biển số 82AA-162.13 nhãn hiệu Honda, loại xe SH125I, màu trắng đen, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 82004951, đã trả lại cho bà V.

- Đối với 01 một giấy mượn tiền giữa Tạ Hồng H2 với Lê Thị Thanh P lập ngày 08/10/2024 với số tiền mượn 13.000.000đ; 01 giấy mượn tiền giữa Nguyễn Thế H và Tạ Hồng H2 lập ngày 08/10/2024 với số tiền mượn 20.000.000đ lưu trữ theo hồ sơ vụ án.

*Về trách nhiệm dân sự: Bà V đã nhận lại xe không yêu cầu gì, còn số tiền thuê xe bà không yêu cầu H phải trả lại. Chị P yêu cầu H trả lại số tiền 13.000.000đ.

*Cáo trạng số 99/CT-VKSNDKV7 ngày 05/9/2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 truy tố bị cáo Nguyễn Thế H về tội "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*" theo điểm g khoản 2 Điều 175 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

*Tại phiên tòa, Kiểm sát viên trình bày lời luận tội, giữ nguyên quan điểm truy tố như bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Thế H phạm tội "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*". Đề nghị áp dụng: điểm g khoản 2 Điều 175, các điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; đề nghị xử phạt bị cáo từ 30 tháng tù đến 36 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung; Về án phí: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật; về vật chứng, trách nhiệm dân sự đề nghị xử lý theo pháp luật.

*Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, như nội dung Cáo trạng đã truy tố. Bị cáo không có ý kiến tranh luận gì thêm. Bị cáo nói lời sau cùng, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm được về đoàn tụ với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an tỉnh K (Nay là tỉnh Quảng Ngãi), Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon Tum (Nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Quảng Ngãi), Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục

quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự. Hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án: Trên cơ sở lời khai của bị cáo, những người tham gia tố tụng khác và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã xác định:

Ngày 07/10/2024, Nguyễn Thế H liên hệ bà Lương Thúy V thuê 01 xe mô tô biển số 82AA-162.13 nhãn hiệu Honda, loại xe SH125I, màu trắng đen để làm phương tiện đi lại, thời hạn thuê 03 ngày, hợp đồng bằng miệng. Sau đó giữa H và V trao đổi gia hạn thêm thời hạn thuê xe nhiều lần và hạn cuối ngày 01/11/2024 H phải trả lại xe cho V. Sau khi thuê được xe, vì cần tiền tiêu xài cá nhân và xử lý việc gia đình nên H đã vay tiền của Tạ Hồng H2 với số tiền 20.000.000đ, tuy nhiên H2 không có tiền nên H2 đã liên hệ chị Lê Thị Thanh P để vay tiền và cầm cố xe vào ngày 08/10/2024 với số tiền 13.000.000đ. Trong quá trình vay tiền, cầm cố xe H vẫn đi làm trả tiền thuê xe đầy đủ cho chị V, còn thiếu tiền thuê xe của chị V 07 ngày từ ngày 26/10/2024 đến ngày 01/11/2024 với số tiền 1.610.000đ.

Hành vi của bị cáo là thuê xe của Chị V một cách hợp pháp, sau đó mới dùng thủ đoạn gian dối để cầm cố xe lấy tiền tiêu xài cá nhân nên đã phạm vào tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”. Mặt khác, ngày 20/9/2024 bị cáo bị xét xử về tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*” theo bản án số 127/2024/HS-ST, bản án đã xác định bị cáo “*Tái phạm*”, trong vụ án này thời hạn kết thúc thuê xe ngày 02/11/2024 nên lần phạm tội này bị cáo thuộc trường hợp “*Tái phạm nguy hiểm*” quy định tại điểm g khoản 2 Điều 175 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do đó, Cáo trạng số 99/CT-VKSKV7 ngày 05/9/2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 đã truy tố bị cáo Nguyễn Thế H là đúng người, đúng tội và có căn cứ pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, thấy rằng: Bị cáo Nguyễn Thế H là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, đã thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, cố ý xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của bị hại, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự trên địa bàn. Việc truy tố và đưa bị cáo ra xét xử nhằm tuyên truyền pháp luật và răn đe, phòng ngừa chung là cần thiết.

[4] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân bị cáo Nguyễn Thế H, thấy rằng:

Về tình tiết tăng nặng: Không có.

Về tình tiết giảm nhẹ: Sau khi phạm tội, tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ, quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự áp dụng khi lượng hình.

Nhân thân: Bị cáo có nhân thân xấu, đã nhiều lần bị xét xử nhưng không lấy đó làm bài học để tu dưỡng, rèn luyện để làm công dân sống có ích cho xã hội mà tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội.

[5] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử nhận thấy, bị cáo có nhân thân xấu, trong thời gian chờ đi thi hành án, bị cáo lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm

tội, thể hiện khó cải tạo. Do đó, căn cứ vào các tình tiết giảm nhẹ, nhân thân của bị cáo, HĐXX cần xử bị cáo một mức án thật nghiêm khắc để răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 175 của Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, với đặc điểm trong vụ án này, cũng như bị cáo không có nghề nghiệp ổn định nên không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về vật chứng: 01 xe mô tô biển số 82AA-162.13 nhãn hiệu Honda, loại xe SH125I, màu trắng đen, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 82004951, đã trả lại cho chị V. Tại phiên tòa chị V vắng mặt không có ý kiến gì về việc đã nhận lại xe nên HĐXX không xem xét.

- Đối với 01 một giấy mượn tiền giữa Tạ Hồng H2 với Lê Thị Thanh P lập ngày 08/10/2024 với số tiền mượn 13.000.000đ; 01 giấy mượn tiền giữa Nguyễn Thế H và Tạ Hồng H2 lập ngày 08/10/2024 với số tiền mượn 20.000.000đ. Đây là tài liệu hồ sơ nên lưu trữ theo hồ sơ vụ án.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Chị Lê Thị Thanh P yêu cầu bị cáo H trả số tiền 13.000.000đ và xin vắng mặt tại phiên tòa, tại phiên tòa bị cáo H và Tạ Hồng H2 trình bày số tiền H2 mượn của P, H2 đã đưa hết cho bị cáo H để xử lý việc gia đình và tiêu xài cá nhân hết, H2 không được lợi gì trong số 13.000.000đ, đồng thời H đồng ý trả lại tiền cho chị P, do vậy buộc bị cáo H phải trả lại chị P 13.000.000đ (*Mười ba triệu đồng chẵn*).

Đối với chị V vắng mặt tại phiên tòa, trong quá trình điều tra chị V không yêu cầu gì nên HĐXX không xem xét. Nếu sau này chị có yêu cầu gì về bồi thường, trả tiền thuê xe đối với bị cáo thì có thể khởi kiện 01 vụ án riêng.

[8] Ngoài ra trong vụ án này còn có chị Lê Thị Thanh P, Tạ Hồng H2, là người đồng ý cho H vay tiền để lại xe mô tô 82AA-162.13 nhãn hiệu Honda, loại xe SH125I, màu trắng đen làm tin, nhưng cả P và H2 đều không biết xe đó do H thuê của V, nên không có căn cứ xử lý hình sự đối với P, H2 là phù hợp.

[9] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thế H phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 650.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh.

Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Thế H** (Tên gọi khác: Không) phạm tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”.

2. Về hình phạt.

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 175, điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 4 Luật số 86/2025/QH15.

Xử phạt: bị cáo Nguyễn Thế H 30 (*Ba mươi*) tháng tù, thời hạn tù tính từ

ngày bị cáo bị bắt tạm giam, ngày 18/8/2025.

3. Về dân sự: Áp dụng khoản 2 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; các Điều 584, 585, 589 Bộ luật dân sự.

Bị cáo Nguyễn Thế H phải trả cho chị Lê Thị Thanh P số tiền 13.000.000đ (Mười ba triệu đồng).

Áp dụng khoản 2 điều 357 Bộ luật dân sự: Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật, người được quyền yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu mà người phải thi hành án không thực hiện đầy đủ khoản tiền trên còn phải chịu lãi suất, theo mức lãi được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả tại thời điểm thanh toán.

3. Về án phí: Căn cứ các Điều 135 và 136 Bộ luật Tố tụng hình sự ; các Điều 6, 21 và 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Nguyễn Thế H phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 650.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo: Căn cứ các Điều 331 và 333 Bộ luật Tố tụng hình sự . Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (20/9/2025), bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo trình tự phúc thẩm. Đối với bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa thì được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND khu vực 7;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Quảng Ngãi;
- Phòng THADS khu vực 7;
- Hồ sơ THA hình sự; Án văn;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đồng Thị Bình